TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUYÊN HOÁ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2024/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1966
  Nơi ĐKNKTT: Thôn Đại S, xã Đồng H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình.
- Bị đơn: ông Mai Văn Ch - Sinh năm: 1965
  Nơi ĐKNKTT: Thôn Đại S, xã Đồng H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/01/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn Ch nhất trí thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung của vợ chồng: bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn Ch thừa nhận vợ chồng có 05 người con tên tà: Mai Văn Ch; sinh năm: 1985; Mai Văn H, sinh năm: 1990; Mai Văn Q, sinh năm: 1991; Mai Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1997; Mai Thị Lệ G, sinh năm: 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên thoả thuận sau khi ly hôn giao cho bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng cụ thể: Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 3, diện tích 1594,4m$^{2.}$ Trong đó đất ở nông thôn 200m^2; đất trồng cây lâu năm 1394,4m^2. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đại S, xã Đồng H, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/4/2020. Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà một tầng 3 gian mái lợp ngói kết cấu tường xây gạch nhỏ hơn hoặc bằng 15cm, tô trát hoàn chỉnh có trụ bê tông cốt thép, mống tường xây đá học, mái lợp ngói, nền lát ghạch men, cửa bằng tôn hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ. Diện tích 84,4m^2; Nhà tắm và nhà vệ sinh: Móng xây gạch đá, tường xây gạch, bệ xí, tiểu, nền láng xi măng, mái lợp Phi bờ rô, đỗ trần. Diện tích 3,3m^2; Giàn mát: Mái che lợp tôn, không bao che nền đổ bê tông sạn ngang, trên láng xi măng. Diện tích 50m^2; Nhà Tạm Phía sau: Mái lợp Phi bờ rô, nền láng xi măng, bao che xung quanh bằng gỗ tạp diện tích 29,9m^2; Chuồng lợn: Chuồng trại chăn nuôi gia súc, tường xây gạch đá các loại, cao nhỏ hơn 2,5m, nền láng xi măng mái lợp phi bờ rô, diện tích 35m^2; Cây: Cây keo trồng phân tán, đường kính trung bình nhỏ hơn 10cm, số lượng 50 cây: Chuồng bò: Chuồng trang trại chăn nuôi gia súc, tường gạch đá các loại, cao lớn hơn 2,5m, nền láng xi măng, mái lợp phi bờ rô, diện tích 33m^2.

Tổng giá trị toàn bộ tài sản: 353.377.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho ông Mai Văn Ch, số tiền: 176.688.500đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Về công nợ: Không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị N thuận chịu toàn bộ 50% tức là 150.000đ.

- Án phí chia tài sản có giá nghạch bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn Chu thoả thuận mỗi người phải chịu 4.417.000 (Bốn triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0000270 ngày 16/11/2023. Nay được khấu trừ. Như vậy số tiền bà N còn thiếu cần phải nộp để sung công quỹ nhà nước là: 2.067.000đ (hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: tổng số tiền 3.000.000đ. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Ch thoả thuận mỗi người chịu 1.500.000đ. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng 7.000.000đ. Vì vậy ông Mai Văn Chu có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.500.000đ. Như vậy bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền còn thừa là: 4.000.000đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS Tuyên Hoá;
- UBND xã Đồng H;
- Các đương sự;
- Lưu HSTA;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phạm Hữu Tình